

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý

chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 13/TTr-SNNPTNT ngày 10/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được công bố tại Khoản 1 Điều này (Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2023.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Trương Hải Long



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
01	2.001827.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 01 ngày làm việc so với quy định)	Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương - Tp. Pleiku - Gia Lai	Phí thẩm định: 700.000 đồng/01 cơ sở/lần	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
02	2.001823.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)				

Lưu ý: Việc tiếp nhận hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định phân công, phân cấp quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý ngành nông nghiệp PTNT trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh.

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<i>TTHC được công bố tại Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh</i>			
01	2.001819.00 0.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 81 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể: - Đối với cơ sở trồng trọt và cơ sở sơ chế gắn với trồng trọt do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện; - Đối với các cơ sở: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật; nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản và đánh bắt thủy sản do Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện; - Đối với các cơ sở: Sơ chế, chế biến độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc thực vật; chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật; thu mua,	0,5 giờ	Bưu điện tỉnh		Nhân viên tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử xuất phiếu hẹn ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Chuyển hồ sơ về Sở hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y theo quy định. Văn phòng Sở/Phòng Hành chính - Tổng hợp Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y trình Lãnh đạo Sở/Lãnh đạo Chi cục xử lý.

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
			sơ chế, chế biến thực phẩm thủy sản; kho lạnh độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm thủy sản; sản xuất, sơ chế, chế biến muối ăn; sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với sản xuất nông lâm thủy sản; nước đá dùng để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản do Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tham mưu thực hiện.				
2	Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (các Chi cục); Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục.	04 giờ			Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo các Chi cục phân công cho phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục; Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục phân công công chức thụ lý hồ sơ.
		Chủ trì kiểm tra, thẩm tra, thẩm định hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn của các Chi cục.	11 ngày 7 giờ			Công chức chuyên môn thuộc Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/ Phòng chuyên môn của các Chi cục đối chiếu quy định hiện hành tham mưu văn bản.

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
3	Bước 3	Kiểm tra thể thức	Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục	04 giờ			Lãnh đạo Văn phòng Sở/ Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục kiểm soát về nội dung, thể thức văn bản; trình Lãnh đạo sở/Lãnh đạo các Chi cục xem xét, ký duyệt.
4	Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo các Chi cục	01 ngày			Xem xét, ký duyệt văn bản
5	Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm PVHCC tỉnh (quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	0,5 giờ	Bưu điện tỉnh		Văn thư Sở/Văn thư các Chi cục ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính lên hệ thống điện tử. Kết quả gửi Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn của các Chi cục lưu, giao Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Nhân viên tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT lưu hồ sơ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
	Tổng cộng			14 ngày (cắt giảm 01 so với quy định)			Lưu ý: 01 ngày làm việc = 08 giờ

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể: - Đối với cơ sở trồng trọt và cơ sở sơ chế gắn với trồng trọt do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện; - Đối với các cơ sở: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật; nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản và đánh bắt thủy sản do Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện; - Đối với các cơ sở: Sơ chế, chế biến độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc thực vật; chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật; thu mua, sơ chế, chế biến thực phẩm thủy sản; kho lạnh độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm thủy sản; sản xuất, sơ chế, chế biến muối ăn; sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với sản xuất nông lâm thủy sản; nước đá dùng để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản do Phòng	0,5 giờ	Bưu điện tỉnh		Nhân viên tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử xuất phiếu hẹn ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Chuyển hồ sơ về Sở hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y theo quy định. Văn phòng Sở/Phòng Hành chính - Tổng hợp Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y trình Lãnh đạo Sở/Lãnh đạo Chi cục xử lý.

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
			Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tham mưu thực hiện.				
2	Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (các Chi cục); Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục.	04 giờ			Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo các Chi cục phân công cho phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục; Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục phân công công chức thụ lý hồ sơ.
		Chủ trì kiểm tra, thẩm tra, thẩm định hồ sơ	Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn của các Chi cục.	11 ngày 7 giờ			Công chức chuyên môn thuộc Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/ Phòng chuyên môn của các Chi cục đối chiếu quy định hiện hành tham mưu văn bản.
3	Bước 3	Kiểm tra thể thức	Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT/Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục	04 giờ			Lãnh đạo Văn phòng Sở/ Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục kiểm soát về nội dung, thể thức văn bản; trình Lãnh đạo sở/Lãnh đạo các Chi cục xem xét, ký duyệt.
4	Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo các Chi cục	01 ngày			Xem xét, ký duyệt văn bản
5	Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm PVHCC tỉnh (quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	0,5 giờ	Bưu điện		Văn thư Sở/Văn thư các Chi cục ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả đính lên hệ

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
					tỉnh		thống điện tử. Kết quả gửi Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn của các Chi cục lưu, giao Quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Nhân viên tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT lưu hồ sơ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
	Tổng cộng			14 ngày (cắt giảm 01 so với quy định)			Lưu ý: 01 ngày làm việc = 08 giờ